TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2017/DS-ST
Ngày: 25 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông;

2. Bà Ngô Thị Thu Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T; địa chỉ trụ sở: phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy L và ông Ngô Văn P, cùng địa chỉ: phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 18/2017/UQ-CT ngày 13/3/2017 và số 4024/2017/UQ-VPB ngày 02/5/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần T); có mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1979; cư trú tại: xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với bà Phạm Thị N đã thỏa thuận và ký hợp đồng tín dụng số 20140613-133037-0021 ngày 09/6/2014. Theo hợp đồng,

ngân hàng cho bà N vay số tiền 31.500.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 35%/năm. Bà N có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi theo kỳ (vào ngày 14 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2014). Ngoài ra, hợp đồng tín dụng được hai bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, về quyền và nghĩa vụ của hai bên.

Thực hiện hợp đồng, ngày 19/6/2014, ngân hàng đã giải ngân và bà N đã nhận đủ số tiền 31.500.000 đồng. Đến ngày 07/6/2016, bà N mới thanh toán được cho ngân hàng số tiền 7.205.000 đồng (trong đó tiền gốc 3.620.326 đồng, tiền lãi 3.584.674 đồng) và không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc yêu cầu bà N thanh toán cho ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên. Tuy nhiên, bà N không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng. Do bà N đã vi phạm thỏa thuận nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 41.242.000 đồng (trong đó nợ gốc là 25.029.674 đồng, nợ lãi là 16.212.326 đồng) và lãi phát sinh từ ngày 25/9/2017.

Bà Phạm Thị N là bị đơn, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà N không đến Tòa án và cũng không trình bày quan điểm về việc ngân hàng khởi kiện đối với bà.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến quy định tại Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với bà Phạm Thị N.

Xét hợp đồng tín dụng số số 20140613-133037-0021 ngày 09/6/2014 giữa ngân hàng với bà Phạm Thị N đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của ngân hàng là bên cho vay với bên vay là bà N. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, bà N đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Như vậy, ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

Việc bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng từ tháng 6/2016 đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, thời hạn hợp đồng đã hết, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng có quyền khởi kiện yêu cầu bên vay là bà N phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc bà Phạm Thị N phải thanh toán số tiền 41.242.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/9/2017 cho đến khi bà N trả hết nợ.

[3] Về áp dụng pháp luật, hợp đồng tín dụng được các bên ký kết và thực hiện tại thời điểm Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 có hiệu lực pháp luật và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng này đang được thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Bộ luật dân sự). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự để áp dụng Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng giải quyết vụ án.

Bà Phạm Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T, buộc bà Phạm Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 41.242.000 đồng (trong đó nợ gốc là 25.029.674 đồng, nợ lãi là 16.212.326 đồng) và lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng từ ngày 25/9/2017.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần T thì bà Phạm Thị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T theo lãi suất được điều chỉnh trên cơ sở quy định của pháp luật.

- Bà Phạm Thị N có nghĩa vụ nộp 2.062.100 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền 1.100.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0000996 ngày 29/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên).

Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người

phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Quốc Phương